

Bản án số: 36/2018/HS-ST

Ngày 17 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và ông Trần Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/HSST-QĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh S, sinh năm 1972 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số A, đường H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1949 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1951; có vợ là Đỗ Thị L (đã ly hôn) và 02 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2000); nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2018/HS-ST ngày 22-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 08 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và tội “*Giữ người trái pháp luật*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-3-2018 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bình Phước và được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Đ theo Lệnh trích xuất của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn K, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ K, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Tổ L, phường N1, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt;

- Ông Cẩm Thanh C; địa chỉ: Tổ M, phường N1, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Văng mặt;
- Ông Lê Thanh H; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2013, anh Trần Văn K (*trú tại: Tổ K, phường N, thị xã G*) đã nhiều lần vay tiền của Nguyễn Văn B (*chủ doanh nghiệp A - trụ sở tại Số X, đường H, thị xã G*), đến ngày 14-5-2013, anh K nợ của B tổng số tiền là 1.760.000.000 đồng. Mặc dù, anh B đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh K chưa trả.

Khoảng cuối tháng 3-2014, anh Nguyễn Văn B nhờ Nguyễn Đức C (*người làm công cho anh B*) tìm người đòi nợ cho anh B. Do có quen biết Nguyễn Thanh S (*trú tại: Số A, đường H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng*) là người đòi nợ thuê nên C nhờ S lên thị xã G đòi nợ thuê cho anh B thì S đồng ý. Ngày 30-3-2014, C dẫn S đến nhà anh B. Tại đây, anh B và S thỏa thuận: Anh B viết giấy ủy quyền cho S (*là em bên vợ của anh B*) đến lấy nợ anh K số tiền 1.760.000.000 đồng, S có trách nhiệm thay anh B yêu cầu anh K trả khoản nợ vay, giữa anh B và S không thỏa thuận phương pháp, cách thức S đòi nợ và mức tiền công. Khoảng đầu tháng 4 năm 2014, S và C tìm gặp anh K tại khu vực cầu vượt Đ, S yêu cầu anh K phải đưa số tiền mà anh K nợ anh B cho S, đồng thời có lời lẽ đe dọa anh K, nên anh K viết giấy hẹn đến ngày 15-6-2014, anh K sẽ trả trước cho S số tiền 500.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả hàng tháng kể từ tháng 7 trở đi, mỗi tháng trả 100.000.000 đồng. S cầm giấy này về đưa lại cho anh B. Trong thời gian chờ đến hạn trả tiền của anh K, S nhiều lần nhắn tin và gọi điện thoại để đe dọa anh K để đòi tiền. Sau đó, S và rủ thêm Nguyễn Quốc H (*trú tại: Ngõ V, đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng*), V (*chưa rõ nhân thân*), C béo (*chưa rõ nhân thân*) cùng S đi đòi nợ anh K lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến ngày 25-6-2014, S cùng H, V, C béo đến trụ sở công ty Đ để tìm gặp anh K và ép buộc anh K phải đưa cho S số tiền 20.000.000 đồng để S lo chi phí cho quá trình đi đòi nợ thuê. Tối ngày 25-6-2014 anh K gặp S tại quán cà phê G ở khu vực hồ T, thị xã G và đưa cho S số tiền 3.000.000 đồng, khi đưa tiền không viết giấy tờ gì.

Sáng ngày 26-6-2014, S và C tiếp tục đến trụ sở công ty Đ yêu cầu anh K phải đưa tiền cho S. Bị S ép buộc nên anh K nói chị Đỗ Thị H (*vợ anh K*) chi tiền Công ty để đưa cho S số tiền 5.000.000 đồng và hẹn một tháng sau trả tiền. Đến kỳ hẹn, không thấy anh K trả tiền, S cùng với H, V, C béo và Nguyễn Đức C đi đến huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*S, H, V, C béo đi xe taxi, C điều khiển xe mô tô đi theo*) để tìm và lấy xe ô tô của công ty Đ xiết trừ nợ nhưng không thấy, trên

đường về lại thị xã G, S và H ghé mua 05 lít xăng. Đến khoảng 15 giờ chiều, S và H đến công ty Đ thấy đã đóng cửa, S đổ can xăng vào cửa của công ty rồi điện thoại nhắn tin đe dọa đốt nhà của anh K.

Đến ngày 16-7-2014, khi anh K đang ở tỉnh T thì S gọi điện và nhắn tin đe dọa phá hoạt động làm ăn của công ty Đ nếu anh K không trả tiền cho anh B. Bị ép buộc nên anh K đã chuyển vào số tài khoản 5307201000510 của doanh nghiệp A số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 29-9-2014, S tiếp tục ép buộc anh K gửi vào tài khoản số 060075139759 (của S) với số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, S điện thoại và yêu cầu anh K đưa cho S số tiền 200.000.000 đồng thì S không đến nhà đe dọa, uy hiếp đòi tiền nợ nữa, số tiền nợ anh B, anh K sẽ tự sắp xếp trả nợ. Anh K phải hẹn S đến ngày 15-10-2014 sẽ đưa trước cho S số tiền 30.000.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 9-2014, S rủ thêm Lê Thanh H (*trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ*) cùng tham gia với S đòi nợ anh K lấy tiền chia nhau tiêu xài, H đồng ý. Khi lên tỉnh Đắk Nông, S và H đi đến quán cà phê G và gọi điện cho Chăm Thanh C (*trú tại: Tổ H, phường N1, thị xã G*) đến, S giao nhiệm vụ cho C theo dõi công ty Đ rồi báo lại cho S biết. S hứa hẹn với C: khi lấy được tiền của công ty Đ sẽ chia lại cho C số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, S giao việc đòi nợ anh K cho H thực hiện, S sẽ chỉ đạo H qua điện thoại, rồi bắt xe về lại Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 15 giờ ngày 15-10-2014, Sơn gọi điện báo cho H biết việc đến hạn anh K đưa số tiền 30.000.000 đồng cho S để H đến lấy. H đến quán cà phê G rồi gọi điện rủ 05 đối tượng gồm: C, Nguyễn Xuân Q (*trú tại: Tổ Y, phường N2, thị xã G*), Nguyễn Duy X (*trú tại: Khối H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk*), Ngô Văn C (*trú tại: xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk*) đến quán G. Tại đây, H nói với cả bọn: “Công ty Đ hẹn hôm nay trả số tiền 30.000.000 đồng cho anh S” và nói C lấy xe mô tô chở H. C đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F3-0397 chở H đến công ty Đ, X chở Ngô Văn C đi bằng xe mô tô biển kiểm soát 53R6-8037, Q điều khiển xe mô tô của Q đi theo sau. Khi đến công ty Đ, H phân công X đi vào bên trong công ty, còn C, Q, Ngô Văn C đứng ngoài trước cửa công ty. Khi H và X vào trong công ty gặp anh K và chị Đỗ Thị H và chị Đỗ Thị Ngọc H (*em gái chị Đỗ Thị H*) đang ngồi làm việc trong công ty. H nhìn anh K và nói “anh K phải không, chúng tôi là người bên anh S đến lấy tiền”. Anh K nói “tôi không đưa tiền cho các anh đâu, tôi chỉ làm việc trực tiếp với anh S thôi, chứ tôi không biết các anh là ai”. Chị Đỗ Thị H nói: “Không đưa tiền lung tung được, hôm nay đưa người này, bữa sau có người khác đến lấy”. H nói thêm “Đây là tiền phí đòi nợ thuê”. X nói “đưa tiền đi, đây là luật rồi, đừng nói hai lời”. Chị Đỗ Thị H nói lại “Không có phí gì hết, công ty chúng tôi không thuê mấy người làm gì hết, sao phải đưa tiền cho mấy người”. Thấy vậy X nói “Đ.M nợ người ta phải trả đi chứ, hẹn người ta đến mà định không đưa à”. Khi đó, H dùng điện thoại của H gọi điện báo cho S biết và S nói H đưa điện thoại cho anh K để nói chuyện với S. S nói với anh K là S có chuyện nên không đến lấy tiền được nên S

cử đồng bọn đến lấy tiền dùm và yêu cầu anh K đưa tiền cho H vì H là đồng bọn của S. Thấy nhóm H đông người, lại tỏ vẻ hung hăng, nên anh K buộc phải đưa tiền cho H. Khi đó, anh K yêu cầu H phải viết giấy biên nhận tiền của anh K và ghi rõ tên, tuổi, địa chỉ thì anh K mới chịu đưa tiền. Lúc này, H lại gọi điện thoại hỏi S về việc anh K yêu cầu phải viết giấy nhận tiền, S nói H viết giấy đi, rồi đem tiền ra chuyển khoản cho S. Khi đó H nói C ra nhà nghỉ T (khu vực H, thị xã G) lấy giấy chứng minh nhân dân của H mang đến cho H, rồi H viết giấy biên nhận với nội dung: “*Lê Thanh H có nhận của anh Trần Văn K số tiền 30.000.000 đồng để lo anh K khỏi việc trả nợ, từ đây trở về sau không ai được khống chế anh K để đòi nợ*”. Trong khi C đứng canh giới ở ngoài thì thấy có nhiều người qua lại trước Công ty, C nghi ngờ có Công an nên rủ Q chạy trốn. Sau khi H viết giấy biên nhận và giao cho anh K, anh K giao lại cho H số tiền 28.000.000 đồng, H đang đếm tiền thì bị lực lượng Công an bắt giữ cùng tang vật. Sau khi thấy H bị lực lượng Công an bắt giữ, C điện thoại thông báo cho S biết và sau đó bỏ trốn.

Đối với Lê Thanh H, năm 2015 đã được xét xử tại Bản án số: 28/2015/HS-ST ngày 08-5-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đối với Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn C, Nguyễn Duy X đã được kết luận hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Cầm Thanh C, là người được Nguyễn Thanh S rủ tham gia và hứa hẹn trả công cho việc đòi nợ anh Trần Văn K, tuy nhiên mức độ tham gia của C không nhiều, không liên tục, không có đủ căn cứ xác định C đồng phạm với Nguyễn Thanh S. Đối với Nguyễn Đức C, Nguyễn Quốc H, V, C béo đã bỏ đi khỏi địa phương và các đối tượng khác cần tiếp tục xác minh nhân thân lai lịch, thu thập chứng cứ về hành vi đồng phạm với Nguyễn Thanh S và xử lý sau. Tách hành vi của Nguyễn Đức C, Nguyễn Quốc H, V và C béo để tiếp tục xử lý.

Cáo trạng số: 34/CT-VKS-P3 ngày 16-7-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 02 - 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù tại Bản án số: 54/2018/HS-ST ngày 22-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước, buộc Nguyễn Thanh S phải chấp hành hình phạt chung từ 10 - 11 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số: 28/2015/HS-ST, ngày 08-5-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Về bồi thường thiệt hại: Đối với số tiền 28.000.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang đã được trả lại cho anh Trần Văn K tại Quyết định số: 03/PC45, ngày 15-01-2015 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông; đối với số tiền 13.000.000 đồng bị hại anh Trần Văn K không có yêu cầu bồi thường dân sự và hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương.

Bị cáo không bào chữa gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Thanh S thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến ngày 15-10-2014, Nguyễn Thanh S đã nhiều lần cùng Nguyễn Đức C, Lê Thanh H, Nguyễn Quốc H, V, C béo (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) kéo đến trụ sở Công ty Đ tại Tổ K, phường N, thị xã G, cũng như gọi điện và nhắn tin đe dọa đánh đập, uy hiếp tinh thần để buộc anh Trần Văn K phải đưa cho Sơn và đồng phạm số tiền là 41.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.”

Xét thấy, hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, do đó đối với những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 tương đương với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

[3]. Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới đảm bảo được việc giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như đấu tranh phòng ngừa chống tội phạm.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, do đó, áp dụng tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Trong vụ án này có bị cáo và các đối tượng khác tham gia đã được giải quyết và xét xử tại Bản án số: 28/2015/HS-ST, ngày 08-5-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Đã được giải quyết tại Bản án số: 28/2015/HS-ST, ngày 08-5-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Đối với số tiền 28.000.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang đã được trả lại cho anh Trần Văn K tại Quyết định số: 03/PC45, ngày 15-01-2015 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông. Đối với số tiền 13.000.000 đồng bị hại anh Trần Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tiền này, do đó không đề cập xử lý.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, xử phạt Nguyễn Thanh S 02 (*Hai*) năm tù.

Áp dụng Điều 55; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 08 (*Tám*) năm tù tại bản án số: 54/2018/HS-ST ngày 22-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước, buộc Nguyễn Thanh S phải chấp hành hình phạt chung là 10 (*Mười*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05-3-2018.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng HS - CA tỉnh Đ;
- CQ. CSĐT - CA tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Lê Quốc Hương